

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH Q**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HS-ST
Ngày 11/03/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ Q, TỈNH Q

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Chương và ông Vũ Công Soạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tiến Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 03 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 02 năm 2021, đối với bị cáo:

Họ và tên: **ĐỖ VĂN N** (Tên gọi khác: Không có). Sinh ngày 14 tháng 7 năm 2001, tại: M, Q. Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Khu M, phường Đ, thị xã Q, Q; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 05/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: N; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt N. Con ông Nguyễn Trung C (không xác định được năm sinh; Nơi cư trú: Tổ 1, khu H, phường N, thành phố M, tỉnh Q); Bố dượng là ông Lê Văn L, sinh năm 1978 và mẹ là bà Đỗ Thị L, sinh năm 1982; Vợ con: Chưa có; Tiền án: Chưa; Tiền sự: Ngày 07/9/2020, Công an phường N, thành phố U, tỉnh Q xử phạt vi phạm hành chính (cảnh cáo) về hành vi đánh bạc.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp ngày 02/12/2020, đến ngày 10/02/2020 được áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”. Hiện tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Chị **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1975.

Nơi cư trú: Khu M, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

+ Anh **Vũ Văn Q**, sinh năm 1973.

Nơi cư trú: Khu M, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Tổ 7, khu Tre Mai, phường N, thành phố U, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Anh **Hoàng Văn Đ**, sinh năm 2002.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã H, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

+ Anh **Hoàng Văn C**, sinh năm 2000.

Nơi cư trú: Thôn 5, xã H, thị xã Q, tỉnh Q. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 30/11/2020, Đỗ Văn N đi qua nhà bà Nguyễn Thị B tại khu M, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Q, quan sát thấy nhà bà B không có ai ở nhà nên N đã trèo qua tường rồi đi cửa phía sau vào nhà ngắt cầu giao điện để hệ thống camera bảo vệ không hoạt động, rồi dùng 01 Tuốc nơ vít màu đen - đồ dài 20cm, cậy cửa phòng ngủ của bà B, lục lọi tìm tài sản và đã lấy số tiền 90.000 đồng; 01 chiếc nhẫn bằng vàng, trên mặt có gắn đá hình chữ nhật màu đỏ, sau đó N đi về nhà.

Khoảng 16 giờ 00 phút cùng ngày, N mang chiếc nhẫn đến cửa hàng vàng, bạc Đ ở phường N, thành phố U bán cho bà Bùi Thị H với giá 1.500.000 đồng. Số tiền có được từ việc trộm cắp tài sản, N trả cho anh Hoàng Văn Đ 1.400.000 đồng và trả cho anh Hoàng Văn C 850.000 đồng, còn lại 150.000 đồng N tiêu hết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 84, ngày 09/12/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thị xã Q kết luận: 01 chiếc nhẫn bằng vàng, 01 chỉ, loại 10K, có mặt đính đá hình chữ nhật màu đỏ đã qua sử dụng trị giá 2.500.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 18/CT - VKSQY, ngày 03 tháng 02 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q truy tố bị cáo Đỗ Văn N về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Đỗ Văn N khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q giữ nguyên quan điểm truy tố tại Bản cáo trạng về tội danh và khung hình phạt đối với bị cáo N và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt: Đỗ Văn N từ: 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án được trừ đi những ngày tạm giữ từ ngày 02/12/2020 đến ngày 10/12/2020.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- 01 chiếc Tuốc vít là công cụ thực hiện hành vi phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 chiếc nhẫn bằng vàng, mặt đính đá hình chữ nhật màu đỏ, không thu hồi được nên không có căn cứ xử lý.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo N đã bồi thường cho bị hại số tiền 5.000.000 đồng, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Đối với hành vi của chị Bùi Thị H mua chiếc nhẫn bằng vàng là vật chứng của vụ án nhưng chị H không biết chiếc nhẫn do phạm tội mà có và cũng không yêu cầu bị cáo N phải bồi thường gì, nên không đề cập xử lý.

* Tại phần tranh luận Bị cáo không có tranh luận gì và thừa nhận việc truy tố đối với bị cáo là đúng người, đúng tội. Bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để bị cáo có cơ hội làm lại từ đầu, trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, kết luận định giá cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 30/11/2020, tại nhà chị Nguyễn Thị B, anh Vũ Văn Q thuộc khu M, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Q. Đỗ Văn N có hành vi trộm cắp số tiền 900.000 đồng và 01 nhẫn bằng vàng của gia đình chị Nguyễn Thị B, có trị giá 2.500.000 đồng, tổng trị giá tài sản Đỗ Văn N trộm cắp là 3.400.000 đồng.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, tỉnh Q truy tố bị cáo Đỗ Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bị hại anh Vũ Văn Q và chị Nguyễn Thị B vắng mặt có lời khai trong hồ sơ đều thể hiện:

Khoảng 14 giờ 30 phút, ngày 30/11/2020, anh chị khóa cửa nhà, cửa cổng và bật một bóng đèn ngoài sân. Sau đó anh, chị đi về quê ở T - H để mua gà. Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày anh, chị về thấy bóng đèn ngoài sân tắt, anh, chị đi vào trong nhà thì thấy cửa lách bị cạy tung, hai ngăn kéo bàn trang điểm bị lục tung. Qua kiểm tra thấy mất đi 01 chiếc nhẫn vàng và 900.000 đồng tiền mặt để trên kết sắt. Sau đó anh chị đi

xuống gian kho nhà bếp thì thấy hai cánh cửa gỗ bị mở tung, bên trong không mất tài sản gì. Ngay lúc đó anh, chị gọi anh H là khu trưởng và anh L cùng chị H đến kiểm tra camera thì phát hiện có 01 đối tượng đội mũ đỏ đeo khẩu trang, mặc áo đen, quần bò, đeo giày đi vào nhà anh, chị từ cửa sau. Khi vào nhà đối tượng có bỏ khẩu trang ra và anh, chị xác định đối tượng trên là N nhà ở bên cạnh nhà anh, chị, đã đột nhập vào nhà và lấy trộm số tài sản nêu trên của gia đình anh, chị.

Trong đơn xin vắng mặt anh Q, chị B đều trình bày: Bị cáo Đỗ Văn N đã tự nguyện bồi thường cho anh, chị số tiền 5.000.000 đồng nên anh, chị không yêu cầu bị cáo bồi thường gì. Về phần hình phạt: Anh, chị đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Bùi Thị H vắng mặt có lời khai trong hồ sơ thể hiện: Chị có mở một hiệu kinh doanh vàng bạc Đ địa chỉ tại: Tổ 7, khu Tr, phường N, thành phố U. Khoảng 16 giờ 20 phút ngày 30/11/2020, khi chị đang ở cửa hàng thì có một N thanh niên lạ mặt khoảng 20 tuổi, mặc quần dài màu đen, áo khoác ngoài màu trắng, không cài khóa, cầm đến 01 chiếc nhẫn bằng vàng 10k trắng, 01 chỉ, người này nhờ chị gắn lại miếng nhựa cứng hình chữ nhật màu đỏ trắng đã bị bung ra trên mặt nhẫn. Sau đó đề nghị bán lại chiếc nhẫn cho chị. Sau khi kiểm tra lại trọng lượng và chất lượng thì chị khẳng định đây là chiếc nhẫn vàng loại 10k nặng 01 chỉ, nên chị trả giá 1.500.000 đồng. Người này đồng ý và nhận tiền rồi rời đi. Sau đó chị đã cô chiếc nhẫn cùng với số vàng của chị được 1,5 cây vàng rồi gửi cho em gái chị là Bùi Thị H ở K - H, còn miếng nhựa cứng đính đá chị đã vứt đi. (Bút lục 123).

Quá trình điều tra chị H không có yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì cho chị.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn C và anh Hoàng Văn Đ có lời khai trong hồ sơ đều thể hiện: Các anh không biết số tiền bị cáo N trả nợ cho các anh là tiền do phạm tội mà có nên và các anh đã chi tiêu cá nhân hết. Đến nay các anh đều không có yêu cầu gì đối với bị cáo.

[3] Bị cáo N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn bất chấp thực hiện hành vi nhằm chiếm đoạt tài sản đem bán để chi tiêu cho bản thân. Bản thân bị cáo đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội không những trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ mà còn gây mất trật tự và gây hoang mang cho quần chúng nhân dân tại địa phương. Nên cần phải xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nhằm cải tạo bị cáo trở thành một công dân có ích cho xã hội và đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm, tuyên truyền pháp luật cũng như đảm bảo tính dẫn đe đối với bị cáo. Tuy nhiên cũng cần xem xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo trong vụ án.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử và tại phiên tòa bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo còn khắc phục hậu quả. Ngoài ra bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên, cần thiết cho bị cáo được hưởng

tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng. Tuy nhiên, bị cáo đã bị xử phạt cảnh cáo về hành vi đánh bạc chưa được xóa.

[5] Về vật chứng:

01 (một) chiếc Tuốc nơ vít là công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[6] Về hình phạt bổ sung là hình phạt tiền: Xét bị cáo nghề nghiệp và thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về phần bồi thường nên không đề cập.

[8] Xét những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo đã được Cơ quan điều tra thu thập theo đúng trình tự, thủ tục mà Bộ luật tố tụng Hình sự quy định; Tại phiên tòa bị cáo cũng đã thừa nhận thực hiện hành vi như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát. Nên lời buộc tội của Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí: Bị cáo Đỗ Văn N phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đối với hành vi của chị Bùi Thị H mua chiếc nhẫn bằng vàng 10k là vật chứng của vụ án nhưng chị H không biết chiếc nhẫn là do phạm tội mà có nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331; khoản 1 Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo **Đỗ Văn N**, phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: **Đỗ Văn N** 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án, được trừ đi những ngày tạm giữ (từ 02/12/2020 đến ngày 10/12/2020).

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc Tuốc nơ vít đầu hai cạnh, tay cầm bọc nhựa cao su màu đen - đỏ, dài 15,5cm.

(Tình trạng vật chứng được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng lập hồi 15 giờ 00 phút ngày 19/02/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Đỗ Văn N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Q;
- VP Công an tỉnh Q
- VKSND TX. Q;
- Công an TX. Q;
- Những người tham gia tố tụng;
- Chi cục THADS TX. Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phan Tuấn Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đức Trà

Vũ Công Soạn

Phan Tuấn Anh

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ Q
TỈNH Q

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....ngày 11 tháng 03 năm 2021;

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Q

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Tuấn Anh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Trà và ông Vũ Công Soạn.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2021/TLST- HS ngày 04 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Đỗ Văn N, sinh năm 2001, tại Móng Cái, Q.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Việc xác định vụ án có thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung hay không?

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ hoặc trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

2. Xét tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập:

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí những chứng cứ mà Kiểm sát viên dùng để chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, đã được cơ quan Điều tra thu thập theo đúng thủ tục, trình tự mà Bộ luật tố tụng hình sự quy định.

3. Việc xác định có hay không có căn cứ kết tội bị cáo:

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí có căn cứ kết tội bị cáo Đỗ Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

4. Việc áp dụng tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Áp dụng điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết 3/3

5. Về hình phạt, các biện pháp tư pháp áp dụng đối với bị cáo, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, vấn đề dân sự trong vụ án hình sự:

- Về hình phạt:

Xử phạt Đỗ Văn N tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ đi những ngày đã tạm giữ (từ ngày 02/12/2020 đến ngày 10/12/2020).

- Vấn đề dân sự trong vụ án hình sự: Không

Kết quả biểu quyết 3/3 về hình phạt.

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) chiếc Tuốc nơ vít đầu hai cạnh, tay cầm bọc nhựa cao su màu đen - đỏ, dài 15,5cm.

(Tình trạng vật chứng được thể hiện tại biên bản giao nhận vật chứng lập hồi 15 giờ 00 phút ngày 19/02/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q).

6. Việc xác định bị cáo có thuộc trường hợp miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt hay không?

Kết quả biểu quyết 3/3 nhất trí bị cáo không thuộc trường hợp được miễn trách nhiệm hình sự, miễn hình phạt.

7. Về án phí hình sự, án phí dân sự, xử lý vật chứng, các vấn đề khác.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đỗ Văn N phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể

từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Kết quả biểu quyết 3/3 nhất trí các nội dung trên.

8. Xét tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử.

Kết quả biểu quyết 3/3 nhất trí nội dung: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

9. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không có.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ.....phút....., cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Văn Chương Lê Thị Tuyết Bắc

Phan Tuấn Anh

